

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt "Chương trình Phát triển vùng huyện Như Xuân
năm tài chính 2017" do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện chợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP, ngày 01/3/2012 của Chính phủ Về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo ngày 07/11/2016 của tổ chức Tầm nhìn thế giới về ngân sách tài trợ cho các chương trình, dự án của tổ chức Tầm nhìn Thế giới trong năm tài chính 2017 tại Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 10/TTr-SNgV ngày 03/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển vùng huyện Như Xuân - năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ, với những nội dung chính sau:

1. Tên chương trình:

Chương trình Phát triển vùng huyện Như Xuân - năm tài chính 2017.

2. Cơ quan thực hiện:

- Phía địa phương: UBND huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

- Phía nhà tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện:

Tại 4 xã: Bình Lương, Yên Lễ, Thượng Ninh, Xuân Quý thuộc huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

4. Nguồn tài trợ:

Tổ chức Tầm nhìn thế giới Hồng Kông.

5. Mục tiêu của chương trình:

Hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực quản lý và nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em nghèo, các hộ gia đình và các cộng đồng dân cư tại 4 xã dự án thuộc huyện Như Xuân.

6. Các hoạt động chính của chương trình:

(Kế hoạch hoạt động và chi tiết kinh phí chương trình ban hành kèm theo Quyết định này).

7. Kinh phí chương trình năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ: 660.000 USD *(Sáu trăm sáu mươi nghìn đô la Mỹ)*.

Điều 2. Vật tư, hàng hoá, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn tiền viện trợ của dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT theo các Quy định hiện hành.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới phân công trách nhiệm các bên liên quan; chỉ đạo các phòng, ban liên quan của huyện và các xã dự án triển khai thực hiện chương trình; chỉ đạo các xã có dự án đóng góp kinh phí, vật tư đối ứng và công lao động tham gia dự án theo cam kết với tổ chức tài trợ; chịu trách nhiệm về quản lý chương trình trên địa bàn huyện; thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ theo đúng Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, đảm bảo kinh phí của dự án được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án với UBND tỉnh và các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

2. Giao các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế quản lý dự án theo chức năng nhiệm vụ; đồng thời hỗ trợ Ban Quản lý chương trình huyện Như Xuân thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

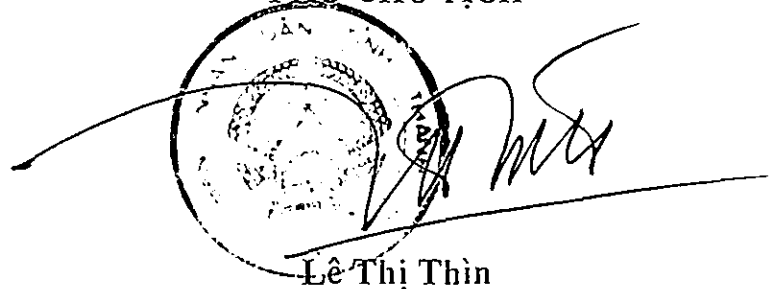
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- UB Công tác PCPNN (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổ chức Tầm nhìn thế giới;
- Lưu: VT, CN, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2017
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG HUYỆN NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số 1911/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mã số	Các cấp độ, mục tiêu	Thời gian	Chỉ số	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách
V193497	DỰ ÁN GIÁO DỤC					
Mục tiêu dự án 1	Nâng cao khả năng và năng lực của trẻ đối với việc học tập lâu dài của trẻ.	Quý 4	1. % trẻ đọc hiểu thiết thực.	0	2%	\$121.029
		Quý 2-4	2. % trẻ 3-5 tuổi đến trường.	5%	7%	
Kết quả 1.1	Tăng tỷ lệ trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp ở các trường mầm non	Quý 4	% trẻ 3-5 tuổi học tại các trường mầm non	0%	2%	\$26.965
Đầu ra 1.1.1	Sự tham gia của cha mẹ trong việc giáo dục trẻ mầm non mới.	Quý 2-4	Số cha mẹ nắm rõ đặc điểm quan trọng môi trường giáo dục trẻ.	100	200	\$9.750
Hoạt động 1.1.1.2	Tổ chức hội thảo/cuộc thi chủ đề "An toàn giao thông (ATGT)" nhằm nâng cao kiến thức về ATGT cho trẻ và phụ huynh giúp ngăn ngừa trẻ tai nạn thương tích: <i>Tập huấn kỹ năng sống được lồng ghép với tập huấn báo cáo trẻ tai nạn.</i>	Q2	Số người được tập huấn về kỹ năng sống.	240	240	\$2.000
Hoạt động 1.1.1.3	Hỗ trợ hoạt động của ban phụ huynh-giáo viên: <i>Tổ chức cuộc thi "Bé khỏe - bé thông minh" cho trẻ và phụ huynh tại 4 trường mầm non.</i>	Q4	Số người tham gia hội thi	0	120	\$3.200

Đầu ra 1.1.2	Tăng cường kiến thức, kỹ năng về chăm sóc giáo dục trẻ mầm non mới cho giáo viên và người chăm trẻ.	Q2-4	Số giáo viên mầm non có kiến thức về chương trình chăm sóc, phát triển trẻ mầm non mới.	25	50	\$3.550
Hoạt động 1.1.2.1	Tập huấn phương pháp giảng dạy kỹ năng sống cho đội ngũ giáo viên cốt cán của các trường mầm non	Q1	Số người được tập huấn	30	30	\$1.550
Hoạt động 1.1.2.2	Tập huấn lại phương pháp giảng dạy kỹ năng sống cho toàn bộ giáo viên mầm non 4 xã Dự án.	Q2	Số người được tập huấn	100	100	\$2000
Đầu ra 1.1.3	Cải thiện điều kiện dạy và học trong các trường mầm non.	Q2.4	Số lớp học được hỗ trợ trang thiết bị cơ bản theo hướng dẫn của bộ Giáo dục và Đào tạo	30	40	18.215\$
Hoạt động 1.1.3.1	Hỗ trợ đồ dùng dạy học cho các trường mầm non theo tiêu chuẩn đặc điểm lứa tuổi của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.	Q1	Số lớp học được hỗ trợ.	41	41	\$2.206
Hoạt động 1.1.3.3	Hỗ trợ cải thiện lớp học thân thiện, an toàn với trẻ cho lớp học mầm non		Số công trình được xây dựng			
Công việc 1	Hỗ trợ khu trường lẻ Đồng Hà - Thượng Ninh.	Q1	Số khu trường được nâng cấp	1	1	\$1,346
Công việc 2	Hỗ trợ khu trường lẻ Xuân Thượng xã Thượng Ninh.	Q1	Số nhà bếp được hỗ trợ	1	1	\$2,500
Công việc 3	Hỗ trợ khu trường lẻ Đồng Thổ xã Bình Lương.	Q1	Số trường được hỗ trợ	1	1	\$673
Công việc 4	Hỗ trợ trường mầm non Yên Lễ	Q1	Số trường được nâng cấp	1	1	\$3,620
Công việc 5	Hỗ trợ trường mầm non Xuân Quý, Yên Lễ và Bình Lương.	Q1	Số vườn cổ tích được hỗ trợ	3	3	\$3,363

Hoạt động 1.1.3.4	Hỗ trợ sách, tranh ảnh có nội dung câu truyện, thơ và đồ dùng cụ dạy học phục vụ việc dạy và học.		Số trường được hỗ trợ			
Công việc 1	Hỗ trợ bảng truyền thông cho các trường Mầm Non.	Q1	Số trường mầm non được hỗ trợ.	4	4	\$1,076
Công việc 2	Hỗ trợ máy lọc nước RO cho trường Mầm Non Bình Lương, Yên Lễ và Thượng Ninh.	Q1	Số máy lọc nước hỗ trợ	3	3	\$740
Công việc 3	Hỗ trợ các trang thiết bị như bếp gas, máy xay và nồi ... phục vụ việc nấu ăn tại trường mầm non Yên Lễ.	Q1	Số trường mầm non được hỗ trợ	1	1	\$1,345
Công việc 4	Hỗ trợ nồi nấu (40kg) cho trường Mầm non Xuân Quỳnh và Bình Lương.	Q1	Số nồi hỗ trợ	2	2	\$1,345
Kết quả 1.2	Kỹ năng sống được áp dụng bởi trẻ ở lứa tuổi tiểu học và trung học cơ sở.	Q3	Phạm trú tiềm lực sử dụng thời gian hiệu quả được thanh thiếu niên 12-18 tuổi báo cáo.	0.0%	2.0%	\$163.624
		Q3	Phạm trú tiềm lực giá trị tích cực được báo cáo bởi thanh thiếu niên từ 12-18 tuổi.	0.0%	2.0%	
Đầu ra 1.2.1	Kiến thức kỹ năng của giáo viên tiểu học về phương pháp dạy học tích cực (ALM) được nâng lên.	Q2.4	Số giáo viên có thể đọc tên các khái niệm cơ bản về phương pháp dạy học tích cực.	25	50	114.941\$
Hoạt động 1.2.1.1	Tập huấn phương pháp dạy học tích cực môn tiếng việt và khoa học xã hội. Hỗ trợ trường làm đồ dùng dạy học.		Số giáo viên được tập huấn			
Công việc 1	Tập huấn cho giáo viên cốt cán của 4 trường tiểu học về phương pháp dạy học tích cực môn Tiếng Việt lồng ghép hướng dẫn lại chính sách bảo vệ trẻ em.	Q1	Số giáo viên được tập huấn.	30	30	\$2.362

Công việc 2	Tổ chức tập huấn lại cho toàn bộ giáo viên 4 trường tiểu học về phương pháp dạy học tích cực môn Tiếng Việt - Lồng ghép hướng dẫn chính sách bảo vệ trẻ em.	Q1	Số giáo viên được tập huấn.	120	120	\$2.000
Hoạt động 1.2.1.2	Tổ chức tuần lễ giáo dục toàn cầu cho 4 trường tiểu học năm 2017	Q3	Số sự kiện được tổ chức	0	4	\$2.000
Hoạt động 1.2.1.3	Hỗ trợ trang thiết bị dạy học cho các trường tiểu học và trung học cơ sở theo tiêu chuẩn của bộ giáo dục và đào tạo.		Số trường được hỗ trợ			
Công việc 1	Hỗ trợ 32 bộ bàn ghế học sinh cho trường tiểu học Xuân Quý	Q1	Số trường được hỗ trợ	1	1	\$1.600
Công việc 2	Hỗ trợ hệ thống truyền thông loa và Âm li cho trường trung học cơ sở Xuân Quý, Thượng Ninh và Yên Lễ.	Q1	Số hệ thống truyền thông được hỗ trợ.	3	3	\$2.691
Công việc 3	Hỗ trợ văn phòng phẩm cho 4 trường tiểu học làm đồ dùng dạy học môn Tiếng Việt.	Q1	Số trường cấp 1 được hỗ trợ	4	4	\$2.138
Hoạt động 1.2.1.5	Tổ chức đo kỹ năng đọc hiểu thiết thực của trẻ hoàn thành lớp 5.	Q3	Số cuộc khảo sát được tổ chức	0	1	\$650
Hoạt động 1.2.1.6	Hỗ trợ vật liệu xây dựng thư viện xanh cho trường tiểu học Thượng Ninh, Bình Lương và Yên Lễ.	Q1	Số thư viện được xây dựng	3	3	\$1.500
Hoạt động 1.2.1.6 (dự án đặc biệt)	Xây dựng 05 phòng học cho trường tiểu học Xuân Quý	Q2	Số phòng học được xây dựng	1	1	\$100,000
Đầu ra 1.2.2	Kiến thức và kỹ năng sự tham gia và bảo vệ trẻ em được tăng lên	Q2-4	Số trẻ có kiến thức cơ bản, kỹ năng về bảo vệ trẻ em và sự tham gia của trẻ.	100	200	\$22.328

Hoạt động 1.2.2.3	Tổ chức các cuộc thi về hoạt động thư viện cho 4 trường tiểu học. Tổ chức sinh nhật cho trẻ (trẻ bảo trợ+trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn) ở thôn bản.	Q1, Q3	Số cuộc thi được thực hiện	4	8	\$4,036
Hoạt động 1.2.2.4	Tập huấn cho giáo viên cốt cán kỹ năng viết sáng kiến nhỏ do trẻ khởi xướng. Lòng ghép hướng dẫn thực hiện chính sách bảo vệ trẻ em.	Q1	Số người được tập huấn	25	25	\$4750
Hoạt động 1.2.2.5	Tập huấn cho nhóm trẻ nòng cốt tại các trường trung học cơ sở về kỹ năng sống, giá trị sống và bảo vệ trẻ em.	Q2, 3	Số lượt trẻ được tập huấn	180	240	\$2,880
Hoạt động 1.2.2.6	Cuộc thi - diễn đàn: Hỗ trợ các sự kiện thực hành kỹ năng sống cho trẻ tại 8 trường.		Số trẻ được tập huấn			
Công việc 1	Tổ chức sự kiện truyền thông về kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh 8 trường.	Q2-4	Số cuộc thi được tổ chức	4	8	\$3,587
Công việc 2	Tổ chức diễn đàn trẻ em cấp xã	Q3	Số diễn đàn được tổ chức	0	4	\$5,694
Công việc 3	Tổ chức diễn đàn trẻ em cấp huyện	Q4	Số trẻ tham gia	0	50	\$5.381
Đầu ra 1.2.3	Kiến thức và kỹ năng về sự tham gia của trẻ, bảo vệ trẻ em của phụ huynh và người chăm trẻ nâng lên.	Q2-4	Số cha mẹ và người chăm trẻ có kiến thức cơ bản và kỹ năng về bảo vệ trẻ em, sự tham gia của trẻ.	100	200	\$26.355
Hoạt động 1.2.3.1	Tập huấn cho giáo viên/phụ huynh cốt cán về kỹ năng sống giá trị sống lòng ghép hướng dẫn chính sách bảo vệ trẻ em.	Q1	Số người tham gia	30	30	1.540
Hoạt động 1.2.3.2	Tổ chức tập huấn lại về kỹ năng sống cho các phụ huynh khác trong xã	Q2	Số cha mẹ được tập huấn	160	320	2.152
Hoạt động 1.2.3.3	Triển khai câu lạc bộ đọc sách thôn bản. -Tập huấn cho giảng viên nguồn -Hỗ trợ sách và thiết bị cơ bản cho câu lạc					

	bộ đọc sách thôn bản					
Công việc 1	Thành lập 8 câu lạc bộ đọc sách thôn bản tại Thôn Xuân Phú, Đồng Thanh xã Thượng Ninh, Thôn Trung Thành, Yên Thắng xã Yên Lễ, Thôn Xuân Thành, Xuân Hương xã Xuân Quý, Thôn Làng Sao, Quang Trung xã Bình Lương.	Q1	Số Câu lạc bộ được thành lập	8	8	7.176
Công việc 2	Hỗ trợ thực hiện câu lạc bộ đọc sách thôn bản.	Q2, Q4	Số lượt câu lạc bộ được hỗ trợ mỗi quý	12	36	2.160
Hoạt động 1.2.3.5	Tổ chức hội thảo nhằm tăng cường tầm quan trọng của mạng lưới bảo vệ trẻ em cấp xã và cấp huyện.	Q1, Q3	Số người tham gia hội thảo	200	400	\$2.152
Hoạt động 1.2.3.6	Hỗ trợ các hoạt động ban bảo vệ trẻ em cấp thôn, xã/nhà trường thực hiện các sáng kiến nhỏ do trẻ khởi xướng.	Q2, Q3	Số sáng kiến nhỏ được hỗ trợ	6	8	\$4.000
Hoạt động 1.2.3.7	Hỗ trợ thực hiện các công trình xây dựng như sân chơi, tường rào, bãi tập, cổng, nhà vệ sinh hoặc cải tạo khuôn viên vv... tại các trường tiểu học và trung học cơ sở.		Số sáng kiến được triển khai			
Công việc 1	Hỗ trợ vật liệu xây dựng nâng cấp 50m2 bờ kè làm sân chơi tại trường trung học cơ sở Bình Lương.	Q1	Số sáng kiến được triển khai	1	1	\$1.345
Công việc 2	Hỗ trợ vật liệu xây dựng 200m tường rào trường tiểu học Bình Lương	Q1	Số sáng kiến được triển khai	1	1	\$2.018
Công việc 3	Hỗ trợ vật liệu xây dựng 140m tường rào trường trung học cơ sở Thượng Ninh	Q1	Số sáng kiến được triển khai	1	1	\$1.570
Công việc 4	Hỗ trợ vật liệu xây dựng 250m tường rào trường tiểu học Thượng Ninh.	Q1	Số sáng kiến được triển khai	1	1	\$2.242
Kết quả 1.3	Tăng cường cơ hội phát triển kinh tế/sinh kế cho thanh thiếu niên	Q4	Phần trăm thanh thiếu niên có cơ hội học tập và phát triển kinh tế	0.0%	5.0%	\$30.440
Đầu ra 1.3.1	Đào tạo nghề và kỹ năng kinh doanh cho thanh thiếu niên được cải thiện	Q2-4	Số thanh thiếu niên đang học nghề hoặc hoàn thành học	25	40	\$13.100

			nghề/kỹ năng sống.			
Hoạt động 1.3.1.1	Tổ chức hội thảo về đào tạo nghề cấp huyện.	Q1 -3	Số người tham gia	25	40	\$600
Hoạt động 1.3.1.3	Gửi thanh thiếu niên ngoài học đường tham gia học nghề tại các trường đào tạo nghề.	Q2,Q3	Số thanh thiếu niên được hỗ trợ	20	40	\$12,500
Đầu ra 1.3.2	Mạng lưới đào tạo nghề được thành lập, tập huấn và hoạt động.	Q2-4	Số mạng lưới đào tạo nghề được tập huấn và thành lập, hoạt động	0	0	\$1.280
Hoạt động 1.3.2.1	Họp giao ban mạng lưới hỗ trợ đào tạo nghề (cấp xã và cấp huyện).	Q1, Q3	Số cuộc họp được thực hiện	1	2	\$600
Hoạt động 1.3.2.4	Tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề của thanh thiếu niên.	Q1, Q3	Số cuộc họp được thực hiện	1	2	\$680
Đầu ra 1.3.3	Các sáng kiến phát triển kinh tế/sinh kế của thanh thiếu niên được tăng lên.	Q2-4	Số sáng kiến phát triển kinh tế/sinh kế được thực hiện	10	20	\$16.060
Hoạt động 1.3.3.1	Hỗ trợ thanh thiếu niên ngoài học đường lập kế hoạch học nghề.	Q1, Q3	Số kế hoạch hỗ trợ	10	30	\$15,060
Hoạt động 1.3.3.2	Tập huấn cho thanh thiếu niên ngoài học đường trong 4 xã về kỹ năng sống/giá trị sống.	Q2, 3	Số trẻ được tập huấn	25	50	\$1,000
	Chi phí quản lý					\$13.627
	Tổng chi phí trực tiếp của dự án (Thực hiện hoạt động và chi phí hành chính tại Chương trình phát triển vùng)					\$221.029
	Chi phí gián tiếp (hỗ trợ kỹ thuật và quản lý)					\$19.938
	Tổng ngân sách cho Dự án Giáo dục					\$254.594
V193498	DỰ ÁN Y TẾ					
Mục tiêu dự án 2	Cải thiện tình trạng sức khỏe cho trẻ em	Q3	Tỷ lệ thấp còi trẻ dưới 5 tuổi.	0.0%	0.5%	\$109.061

		Q3	Tỷ lệ nhẹ cân của trẻ dưới 5 tuổi	0.0%	1.0%	
Kết quả 2.1	Cải thiện thực hành chăm sóc dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi cho người chăm trẻ.		Tỷ lệ trẻ bú sữa mẹ trong vòng 6 tháng đầu			\$40.216
			Tỷ lệ trẻ từ 6-23 tháng tuổi được ăn uống với chế độ phù hợp, cho ăn thường xuyên và đa dạng loại thức ăn (4 hoặc hơn nhiều nhóm thức ăn) trong các ngày trước đó.			
Đầu ra 2.1.1	Hệ thống giám sát dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi được tăng cường.	Q2-4	Số thôn bản có dụng cụ giám sát dinh dưỡng cơ bản.	46	92	\$3.590
		Q3	Số cán bộ y tế thôn có thể sử dụng biểu đồ tăng trưởng nhằm giám sát tình trạng dinh dưỡng của trẻ.	46	92	
Hoạt động 2.1.1.3	Thực hiện cân đo trẻ dưới 5 tuổi	Q3	Số trẻ được giám sát	0	1809	\$800
Hoạt động 2.1.1.4	Hỗ trợ các gia đình nghèo mô hình vườn dinh dưỡng (rau, gà, vịt, trứng, trái cây). Tập trung hỗ trợ những gia đình nghèo có trẻ suy dinh dưỡng (những gia đình có trẻ suy dinh dưỡng được phát hiện bởi hệ thống giám sát và có các hoạt động thực hiện sau giám sát.	Q 2	Số gia đình được hỗ trợ	117	117	\$2,340
Hoạt động 2.1.1.5	Tổ chức hội thảo phản hồi về số liệu được thu thập từ hệ thống giám sát dinh dưỡng và đưa ra các hoạt động thực hiện.	Q3	Số hội thảo được tổ chức	0	1	\$450
Đầu ra 2.1.2	Kiến thức thực hành và chăm sóc dinh dưỡng của người chăm trẻ được tăng lên.	Q2-4	Số người chăm sóc trẻ có kiến thức cơ bản về chăm sóc dinh dưỡng trẻ và phụ nữ mang thai.	85	205	\$33.686

Hoạt động 2.1.2.3	Thành lập câu lạc bộ dinh dưỡng, các thành viên là những bà mẹ có con dưới 5 tuổi và phụ nữ đang mang thai trong 4 xã mục tiêu.	Q1,2	Số câu lạc bộ được thành lập	6	12	\$10.800
Hoạt động 2.1.2.4	Tập huấn cho thành viên câu lạc bộ dinh dưỡng về kiến thức chăm sóc dinh dưỡng, sử dụng sổ tay dinh dưỡng, lồng ghép hướng dẫn chính sách bảo vệ trẻ em.	Q1,2,4	Số người được tập huấn	60	96	\$4.050
Hoạt động 2.1.2.5	Hỗ trợ những gia đình nghèo có con dưới 5 tuổi trong câu lạc bộ thực hiện vườn dinh dưỡng (gà, vịt, rau, củ, quả).	Q3	Số gia đình được hỗ trợ	0	240	\$8.640
Hoạt động 2.1.2.7	Hỗ trợ thực hành nấu cháo dinh dưỡng tại các câu lạc bộ dinh dưỡng (3 tháng 1 lần)	Q1,2,3	Số lần trẻ được hưởng lợi	966	1449	\$5.796
Hoạt động 2.1.2.8	Hội thi về chăm sóc dinh dưỡng và phòng bệnh cho trẻ giữa các câu lạc bộ dinh dưỡng	Q3	Số cuộc thi được thực hiện	4	4	\$4.400
Đầu ra 2.1.3	Cán bộ y tế được tăng cường kiến thức kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi	Q2-4	Số cán bộ y tế thôn bản có thể thực hiện truyền thông thay đổi hành vi bằng hình thức nghệ thuật về dinh dưỡng.	7	14	\$2.940
Hoạt động 2.1.3.1	Tập huấn kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi cho cán bộ y tế huyện và xã (Xã Bình Lương, Thượng Ninh, Xuân Quý và Yên Lễ).	Q2-3	Số cán bộ y tế được tập huấn	30	60	\$ 2,940
Kết quả 2.2	Cải thiện thực hành chăm sóc trẻ và phụ nữ mang thai.		% phụ nữ mang thai được khám thai định kỳ ít nhất 3 lần trong thời kỳ mang thai tại các trung tâm y tế	0	0	\$20.023
Đầu ra 2.2.1	Người dân địa phương được cải thiện kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ và phụ nữ mang thai.	Q2-4	Số cha mẹ hoặc người chăm trẻ biết cách điều trị tiêu chảy bằng phương pháp bù nước.	200	400	\$11.500
		Q2-4	Số bà mẹ có thể trình bày kiến thức cơ bản về chăm sóc phụ nữ trước-trong và sau khi sinh.	125	250	

Hoạt động 2.2.1.1	Hội thảo phòng trị bệnh thông thường (bệnh nhiễm khuẩn, tiêu chảy) của trẻ cho người chăm sóc trẻ tại 4 xã mục tiêu.	Q1, Q3	Số người chăm trẻ được truyền thông	720	1840	\$4.600
Hoạt động 2.2.1.4	Tập huấn truyền thông kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho các bà mẹ mang thai, có con nhỏ từ 0 - 5 tuổi.	Q2,3,4	Số phụ nữ được truyền thông về chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và con nhỏ.	720	1840	\$6.900
Đầu ra 2.2.2	Kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe trẻ và phụ nữ mang thai được tăng cường.	Q2-4	Số cán bộ y tế thôn có thể tập huấn cho các bà mẹ về chăm sóc sức khỏe phụ nữ trước, trong và sau khi sinh.	3	8	\$6.140
Hoạt động 2.2.2.2	Tập huấn cho cộng tác viên y tế thôn về chăm sóc sức khỏe trẻ và phụ nữ mang thai.	Q3	Số cán bộ y tế thôn được tập huấn cả 2 chủ đề	-	70	\$4.140
Hoạt động 2.2.2.3	Hội thảo phản hồi tại 4 xã về chăm sóc sức khỏe trẻ và phụ nữ mang thai (giữa năm và cuối năm)	Q2,4	Số hội thảo được tổ chức	4	8	\$2.000
Đầu ra 2.2.3	Tăng cường trang thiết bị cơ bản chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em	Q2	Số trạm y tế xã được trang bị thiết bị cơ bản phục vụ chăm sóc sức khỏe trẻ và phụ nữ mang thai.	2	2	\$2.383
Hoạt động 2.2.3.1	Nâng cấp hệ thống nước sạch tại trạm y tế xã Thượng Ninh	Q1	Số trạm y tế xã được hỗ trợ	1	1	\$ 500
Hoạt động 2.2.3.2	Hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản cho 3 trạm y tế xã nhằm chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em.					
Công việc 1	Hỗ trợ trang thiết bị cơ bản cho trạm y tế xã Yên Lễ.	Q1	Số trạm y tế xã được hỗ trợ	1	1	\$ 777
Công việc 2	Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xã Bình Lương.	Q1	Số Trạm Y tế được hỗ trợ	1	1	\$ 606

Hoạt động 2.2.3.3	Hỗ trợ vật liệu xây dựng lò đốt rác tại trạm y tế xã Thượng Ninh.	Q1	Số Trạm y tế xã được hỗ trợ	1	1	\$ 500
Kết quả 2.3	Cải thiện thực hành vệ sinh cá nhân cho trẻ và người chăm trẻ.		1. Tỷ lệ người dân thể hiện cải thiện thực hành vệ sinh cá nhân.			
			2. Tỷ lệ người chăm trẻ áp dụng thực hành vệ sinh thích hợp			
		Q4	3. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh	0.0%	5.0%	
Đầu ra 2.3.1	Trẻ và gia đình trẻ tiếp cận nước sạch tăng lên.	Q2-4	Số hệ thống nước sạch được chương trình phát triển vùng hỗ trợ xây dựng và nâng cấp.	1	2	\$22.620
Hoạt động 2.3.1.4	Hỗ trợ hệ thống nước sạch (Khoan giếng, máy bơm, đường ống, bể lọc) cho các thôn bản của xã mục tiêu.		Số hệ thống được hỗ trợ			
Công việc 1	Hỗ trợ khoan giếng tại nhà văn hóa thôn Thảng Sơn xã Yên Lễ.	Q3	Số hệ thống được hỗ trợ	1	1	\$ 400
Công việc 2	Hỗ trợ đường ống dẫn nước từ nguồn nước trên núi về thôn Xuân Hương xã Xuân Quỳ	Q1	Số hệ thống được hỗ trợ	1	1	\$2.200
Công việc 3	Hỗ trợ đường ống dẫn nước từ núi Hón Đức về thôn Xuân Thành xã Xuân Quỳ.	Q1	Số hệ thống được hỗ trợ	1	1	\$2.200
Hoạt động 1.3.1.5	Thực hiện và theo dõi về CLTS về nhà tiêu hợp vệ sinh cho 5 thôn mới của 4 xã mục tiêu.	Q1,2,3,4	Số gia đình cải thiện nhà tiêu	200	400	\$12.800
Hoạt động 1.3.1.6	Áp dụng mô hình xử lý nước và vệ sinh hộ gia đình.					
Công việc 1	Tập huấn về mô hình xử lý nước và vệ sinh hộ gia đình	Q1	Số người được tập huấn về xử lý nước an toàn tại hộ gia đình	84	84	\$2.520

Công việc 2	Thực hiện các hoạt động sau tập huấn	Q3	Số hộ gia đình áp dụng trữ nước an toàn tại hộ gia đình	0	50	\$ 2.500
Đầu ra 2.3.2	Kiến thức và kỹ năng thực hành về sinh cá nhân của trẻ được cải thiện.	Q2-4	Số trẻ thể hiện có kiến thức cơ bản về vệ sinh cá nhân.	500	1200	\$26.202
Hoạt động 2.3.2.2	Truyền thông điệp về sinh cá nhân cho trẻ thông qua các vở kịch được các nhóm trẻ thể hiện.					
Công việc 1	Truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân cho học sinh trường tiểu học và trung học cơ sở .	Q2,3	Số trẻ được tham gia	1064	2128	\$ 4.184
Công việc 2	Truyền thông thay đổi hành vi về vệ sinh cá nhân cho trẻ và người chăm sóc trẻ ở cấp thôn (Thanh Hương, Thanh Xuân, Xuân Thành, Tân Thành - xã Xuân Qùy; Mỹ Ré, Trung Thành - xã Yên Lễ.	Q3,4	Số người được tham gia	0	600	\$ 3.138
Hoạt động 2.3.2.3	Hội thảo với phụ huynh và người chăm trẻ về vệ sinh cá nhân (6 bước rửa tay, đánh răng) cho trẻ.	Q1,4	Số người được tập huấn	900	1400	\$4.600
Hoạt động 2.3.2.6	Tập huấn/truyền thông về vệ sinh môi trường: thu gom rác, phân loại rác....	Q2,4	Số chiến dịch được thực hiện	2	4	\$4.600
Hoạt động 2.3.2.7	Tổ chức chiến dịch vệ sinh tổ thể ở cấp xã.	Q2,3	Số cuộc thi được thực hiện	0	4	\$4.880
Hoạt động 2.3.2.8	Tổ chức hội thi về vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường.	Q3,4	Số người được tập huấn	900	1400	\$4.800
	Chi phí hành chính					\$11.539
	Tổng chi phí trực tiếp của dự án (Thực hiện hoạt động và chi phí hành chính tại Chương Trình Phát Triển Vùng)					\$109.061

	Chi phí gián tiếp (hỗ trợ kỹ thuật và quản lý)					\$18.320
	Tổng ngân sách dự án Y tế					\$138.920
V193499	DỰ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC					
Mục tiêu dự án 3	Tăng cường năng lực của cộng đồng nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ tốt hơn.		Tỷ lệ các tổ chức dựa vào cộng đồng có thể thực hiện dự án như kế hoạch.			\$101.230
			% thành viên tổ chức dựa vào cộng đồng thực hành tiết kiệm			
			% trẻ dễ bị tổn thương được hưởng lợi từ các sáng kiến cộng đồng.			
			% sáng kiến cộng đồng có hơn 30% đóng góp của địa phương.			
Kết quả 3.1	Tăng cường năng lực của cộng đồng nhằm tạo ra môi trường an toàn cho trẻ vui chơi và học tập		% trẻ báo cáo có môi trường vui chơi an toàn và học tập			\$34.880
Đầu ra 3.1.1	Nhận thức của cha mẹ và người chăm trẻ về môi trường an toàn cho trẻ được nâng lên.	Q2-4	Số cha mẹ và người chăm trẻ nhận thức được những tác động nguy hiểm và những mối nguy hiểm cho trẻ tại cộng đồng.	200	400	\$3.175
Hoạt động 3.1.1.1	Tập huấn cho phụ huynh trong các xã mục tiêu về phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ.	Q1,2,3,4	Số cha mẹ được tập huấn	690	1,380	\$2.300
Hoạt động 3.1.1.3	In tài liệu phát tay về phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ.	Q3	Số địa điểm được hỗ trợ tài liệu truyền thông	0	14	\$ 875
Đầu ra 3.1.2	Nguồn lực xây dựng môi trường an toàn cho trẻ tăng lên.	Q2-4	Số điểm vui chơi an toàn cho trẻ	5	10	\$5.564
Hoạt động 3.1.2.1	Khảo sát những nơi nguy hiểm, không an toàn cho trẻ cấp độ hộ gia đình và thôn bản.	Q1	Số cuộc khảo sát được thực hiện	1	1	\$564

Hoạt động 3.1.2.2	Hỗ trợ các hộ gia đình, thôn bản vật liệu xây dựng tường bao quanh giếng nước, biển cảnh báo nguy hiểm... nhằm phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ.	Q3	Số gia đình được hỗ trợ	0	100	\$5.000
Đầu ra 3.1.3	Trẻ được giáo dục về môi trường an toàn cho trẻ.	Q2-4	Số trẻ có kiến thức cơ bản về môi trường an toàn	70	140	\$26.141
Hoạt động 3.1.3.1	Thành lập câu lạc bộ trẻ em tại thôn bản.	Q1	Số trẻ được tham gia	120	120	\$1.800
Hoạt động 3.1.3.2	Hỗ trợ câu lạc bộ trẻ em tại thôn bản vận hành.	Q1,2,3,4	Số trẻ tham gia hoạt động câu lạc bộ hàng tháng.	600	1320	\$3.696
Hoạt động 3.1.3.3	Tập huấn cho các thành viên câu lạc bộ trẻ em về kỹ năng bơi lội, nhằm bảo vệ trẻ em, phòng ngừa tai nạn thương tích cho trẻ.	Q3	Số Trẻ người tham gia	0	180	\$8.080
Hoạt động 3.1.3.4	Hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.					
Công việc 1	Hỗ trợ xe đạp cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại xã Bình Lương, Yên Lễ và Thượng Ninh.	Q1,2	Số Trẻ được hưởng lợi	85	85	\$ 4.590
Công việc 2	Hỗ trợ bàn ghế, dụng cụ học tập cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn xã Bình Lương và Xuân Quý.	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	48	48	\$3.264
Hoạt động 3.1.3.5	Truyền thông phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ thông qua các trò chơi, kịch, tiểu phẩm được thực hiện bởi câu lạc bộ trẻ em.	Q2,3	Số Trẻ được truyền thông về CIP	900	2,100	\$ 4.711
Kết quả 3.2	Cải thiện năng lực hộ gia đình trong việc đảm bảo thức ăn cho trẻ.	Q4	Tỷ lệ hộ gia đình có đủ lương thực cần thiết, đa dạng nguồn lương thực trong năm cho cả gia đình.	0%	10%	\$22.600
Đầu ra 3.2.1	Kiến thức kỹ năng của các gia đình nghèo trong việc sản xuất lương thực tăng.	Q2-4	Số hộ gia đình có kiến thức về chăn nuôi, trồng trọt tăng lên	30	60	\$22.600

Hoạt động 3.2.1.1	Tập huấn cho các hộ gia đình về kỹ thuật chăn nuôi (lợn địa phương, gà) và chế biến thức ăn cho vật nuôi.	Q2, Q3	Số hộ được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi, chế biến thức ăn cho vật nuôi.	117	357	\$3.250
Hoạt động 3.2.1.2	Hỗ trợ con giống (lợn địa phương và gà) cho các hộ gia đình nghèo tại xã Xuân Quý, Bình Lương, Yên Lễ, Thượng Ninh.	Q2, Q3	Số hộ đĩ có trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhận hỗ trợ	50	100	\$15.000
Hoạt động 3.2.1.3	Thành lập nhóm tín dụng tiết kiệm tại thôn Tiến Thành, Đồng Thanh, Đồng Tâm và Bến Ván xã Thượng Ninh.	Q2	Số người được tham gia	120	120	\$ 480
Hoạt động 3.2.1.4	Tập huấn về kiến thức kinh doanh thị trường, tín dụng tiết kiệm... cho thành viên nhóm tín dụng tiết kiệm					
Công việc 1	Tập huấn cho thành viên cốt cán về kiến thức kinh doanh thị trường, tín dụng tiết kiệm..	Q2,3	Số lượt thành viên nhóm nông cốt tham gia tập huấn	35	70	\$2.870
Công việc 2	Tập huấn cho các thành viên khác về tín dụng tiết kiệm.	Q3	Số người được tập huấn	0	120	\$1.000
Kết quả 3.3	Tăng cường năng lực của cộng đồng nhằm thực hiện các hoạt động tập trung đến trẻ.	Q4	Tỷ lệ ban phát triển thôn hoạt động hiệu quả	0%	5%	\$78.630
Đầu ra 3.3.1	Kiến thức kỹ năng của ban phát triển thôn bản về huy động cộng đồng tập trung vào trẻ được nâng lên.	Q2-4	Số ban phát triển thôn bản có kiến thức kỹ năng huy động cộng đồng	20	40	\$41.980
Hoạt động 3.3.1.1	Tập huấn, hỗ trợ ban phát triển thôn bản lập kế hoạch năm, lập kế hoạch ngân sách, tiến trình thực hiện kế hoạch năm.		Số ban phát triển thôn bản nhận hỗ trợ/ người tham gia			
Công việc 1	Tập huấn kiến thức, kỹ năng về truyền thông và tổ chức cuộc họp hiệu quả/giám sát đánh giá/kỹ năng đề xuất và quản lý sáng kiến cộng đồng cho thành viên của các ban phát	Q1,2	Số Ban Phát triển thôn bản số người được tập huấn	140	140	\$ 4.160

	triển thôn					
Công việc 2	Hỗ trợ ban phát triển thôn tại xã Thượng Ninh hoạt động.	Q2	Số Ban Phát triển thôn bản được hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản	8	8	\$ 4.210
Công việc 3	Hỗ trợ ban phát triển thôn tại xã Bình Lương hoạt động.	Q3	Số Ban Phát triển thôn bản được hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản	0	9	\$3.450
Công việc 4	Hỗ trợ ban phát triển thôn tại xã Xuân Quý hoạt động.	Q3	Số Ban Phát triển thôn bản được hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản	0	5	\$2.420
Công việc 5	Hỗ trợ ban phát triển thôn tại xã Yên Lễ hoạt động.	Q3	Số Ban Phát triển thôn bản được hỗ trợ các trang thiết bị cơ bản	0	3	\$1.760
Hoạt động 3.3.1.2	Tập huấn cho các thành viên cốt cán ban quản lý dự án xã, ban phát triển thôn về kỹ năng triển khai hoạt động.	Q1	Số thành viên Ban quản lý dự án/Ban phát triển thôn bản được tập huấn	30	30	\$1.500
Hoạt động 3.3.1.4	Tổ chức cuộc thi về kiến thức phát triển cộng đồng cho các thành viên ban phát triển thôn.	Q3	Số thành viên Ban quản lý dự án/Ban phát triển thôn bản được tập huấn	0	200	\$3.200
Hoạt động 3.3.1.6	Tập huấn cho thành viên ban quản lý dự án huyện, xã, ban phát triển thôn nội dung vận động chính sách, viết đề xuất và quản lý các sáng kiến cộng đồng... lồng ghép hướng dẫn chính sách bảo vệ trẻ em.	Q2	Số thành viên Ban quản lý dự án/Ban phát triển thôn bản được tập huấn	35	35	\$1.280
Hoạt động 3.3.1.7	Hỗ trợ thực hiện các sáng kiến cộng đồng như hỗ trợ vật liệu xây dựng các công trình tại thôn.					
Công việc 1	Hỗ trợ vật liệu xây dựng mái che, sân bê tông cho khu mầm non chung với nhà văn hóa thôn Phú Lễ xã Yên Lễ.	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	95	95	\$1.200
Công việc 2	Hỗ trợ vật liệu xây dựng nâng cấp nhà văn hóa thôn Thanh Hương xã Xuân Quý.	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	91	91	\$ 2.300
Công việc 3	Hỗ trợ vật liệu xây dựng nâng cấp nhà văn hóa thôn Xuân Thành xã Xuân Quý.	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	45	45	\$3.200

Công việc 4	Hỗ trợ vật liệu xây dựng bể bơi cho trẻ tại thôn Quyền xã Xuân Quý.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	450	\$1.600
Công việc 5	Hỗ trợ mái tôn nhà văn hóa thôn Đồng Tâm xã Thượng Ninh.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	60	\$1.000
Công việc 6	Hỗ trợ vật liệu xây dựng sân chơi tường rào nhà văn hóa thôn Hợp Thành xã Bình Lương.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	50	\$2.700
Công việc 7	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm sân cho nhà văn hóa thôn Mài - Bình Lương	Q1	Số Trẻ được hưởng lợi	70	70	\$2.100
Công việc 8	Hỗ trợ vật liệu xây dựng để xây dựng hội trường thôn Cát Tiến - Yên Lễ	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	80	\$2.100
Công việc 9	Hỗ trợ vật liệu xây dựng để nâng cấp hội trường thôn Yên Thắng - Yên Lễ	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	249	249	\$1.800
Công việc 10	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm sân chơi cho trẻ tại thôn Trung Thành - Yên Lễ	Q1	Số Trẻ được hưởng lợi	146	146	\$1.000
Công việc 11	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm sân cho nhà văn hóa thôn Minh Đức - Thượng Ninh	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	118	\$1.000
Công việc 12	Hỗ trợ vật liệu xây dựng hệ thống nước sạch tại thôn Đồng Ngân xã Thượng Ninh.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	80	\$2.018
Đầu ra 3.3.2	Các tổ nhóm tại thôn bản được thành lập.	Q2-4	Số tổ nhóm tại thôn bản được hỗ trợ bởi ban phát triển thôn bản	3	6	\$27.670
Hoạt động 3.3.2.1	Họp giao ban quý giữa Ban Quản lý dự án huyện, Ban quản lý dự án xã nhằm đánh giá hoạt động đã triển khai và lập kế hoạch cho quý tới.	Q1;2;3;4	Số cuộc họp được thực hiện	24	48	\$2.880
Hoạt động 3.3.2.2	Tổ chức lập kế hoạch năm tài chính 2018 cấp thôn và cấp xã		Số cuộc họp được thực hiện			
Công việc 1	Tổ chức cuộc họp triển khai lập kế hoạch năm tài chính 2018.	Q3	Số cuộc họp được thực hiện	0	20	\$ 100
Công việc 2	Họp cấp thôn triển khai lập kế hoạch năm 2018 tại 46 thôn trong 4 xã.	Q3	Số cuộc họp được thực hiện	0	46	\$2.300

Công việc 3	Hợp cấp và lập kế hoạch năm tài chính 2018.	Q3	Số cuộc họp được thực hiện	0	4	\$ 280
Công việc 4	Hợp thống nhất kế hoạch năm cấp huyện	Q4	Số sự kiện được thực hiện	0	1	\$7.000
Hoạt động 3.3.2.4	Thực hiện các sáng kiến cộng đồng do phụ huynh quản lý.		Số Trẻ hưởng lợi			
Công việc 1	Hỗ trợ vật liệu làm đồ chơi ngoài trời cho học sinh thôn quyền xã Xuân Quý.	Q2	Số Trẻ được hưởng lợi	90	90	\$ 400
Công việc 2	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm đồ chơi ngoài trời cho trẻ tại thôn Phú Lễ, Yên Thắng và Thắng Sơn xã Yên Lễ.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	302	\$1.200
Công việc 3	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm đồ chơi ngoài trời cho trẻ tại thôn Mải xã Bình Lương.	Q3	Số Trẻ được hưởng lợi	0	101	\$ 400
Công việc 4	Hỗ trợ vật liệu xây dựng làm đồ chơi ngoài trời cho trẻ tại thôn Đồng Xuân, Xuân Phú, Đồng Thanh, Tiến Thành và Minh Đức xã Thượng Ninh.	Q4	Số Trẻ được hưởng lợi	0	590	\$2.000
Hoạt động 3.3.2.5	Tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên ban bảo vệ trẻ em cấp xã và huyện. - Đóng góp \$2000 cho ban Bảo vệ trẻ em cấp tỉnh.					
Công việc 1	Tập huấn cho thành viên ban Bảo vệ trẻ em về xác định trẻ dễ bị tổn thương, quản lý ca, bảo vệ trẻ em.....	Q2,3	Số người được tập huấn	35	70	\$2.760
Công việc 2	Đóng góp cho ban Bảo vệ trẻ em cấp tỉnh: Diễn đàn, hội thảo, họp năm.	Q1, 4		0	0	\$2.000
Hoạt động 3.3.2.6	Khảo sát trẻ dễ bị tổn thương (xây dựng biểu đồ) tại 4 xã.	Q1	Số cuộc khảo sát được thực hiện	4	4	\$2.350
Hoạt động 3.3.2.7	Hỗ trợ các tổ nhóm tại cộng đồng thực hiện sáng kiến cộng đồng hướng tới an sinh trẻ em: Tổ chức giải bóng đá mini cho trẻ/các trò chơi dân gian...	Q3,4	Số sáng kiến cộng đồngs hưởng tới An sinh trẻ em được hỗ trợ	0	4	\$4.000
Đầu ra 3.3.3	Các nhóm tại thôn bản được thành lập	Q2-4	Số ban phát triển thôn bản có kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ	10	20	\$8.980

			rủi ro thiên tai hàng năm			
Hoạt động 3.3.3.1	Nâng cao kiến thức của đồng tác địa phương về phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp xã và thôn/bản	Q1-4	Số cuộc truyền thông sự kiện được thực hiện	18	46	\$ 2.300
Hoạt động 3.3.3.2	Hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa rủi ro thiên tai cấp thôn tại 4 xã					
Công việc 1	Hỗ trợ phương tiện ứng phó với thiên tai lũ lụt cho người dân và trẻ em cụ thể: Hỗ trợ truyền tôn kích thước 1,5m * 3m làm phương di chuyển đồ đạc và người khi nước lũ dâng tại thôn Quyên, Chuối, Tân Thành - Xuân Quý	Q3	Số thôn được hỗ trợ	0	3	\$ 2.400
Công việc 2	Hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp hộ gia đình tại xã Xuân Quý.	Q3	Số người tham gia	0	140	\$ 210
Công việc 3	Hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp hộ gia đình tại xã Yên Lễ.	Q3	Số người tham gia	0	240	\$ 360
Công việc 4	Hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp hộ gia đình tại xã Bình Lương	Q3	Số người tham gia	0	220	\$ 330
Công việc 5	Hỗ trợ lập kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai cấp hộ gia đình tại xã Thượng Ninh	Q3	Số người tham gia	0	320	\$ 480
Hoạt động 3.3.3.3	Hỗ trợ khẩn cấp khi có thiên tai xảy ra tại cộng đồng.	Q4	Số Trẻ được hỗ trợ	0	200	\$ 2.900
	Chi phí hành chính					\$36.120
	Tổng chi phí trực tiếp của dự án (Thực hiện hoạt động và chi phí hành chính tại Chương trình phát triển Vùng)					\$101.230
	Chi phí gián tiếp (Hỗ trợ kỹ thuật và quản lý)					\$37.555
	Tổng ngân sách dự án Xây dựng năng lực					\$174.905

V189232	DỰ ÁN BẢO TRỢ					
Mục tiêu dự án	Cải thiện an sinh trẻ bảo trợ thông qua hoạt động của dịch vụ hoạt động bảo trợ trẻ em		Tỷ lệ trẻ chết do tai nạn			\$45.625
			Tỷ lệ trẻ bảo trợ đạt được tiêu chuẩn tối thiểu về bảo trợ			
			Tỷ lệ trẻ bảo trợ đọc hiểu thiết thực			
Kết quả 4.1	Tăng cường cộng đồng tham gia vào hoạt động bảo trợ.		Tỷ lệ các hoạt động bảo trợ được tổ chức/thực hiện bởi cộng đồng			\$12.310
Đầu ra 4.1.1	Tăng cường kiến thức về bảo trợ cho trẻ bảo trợ và cộng đồng	Q2-4	Số trẻ (bảo trợ, ko bảo trợ, trẻ trai, trẻ gái) có kiến thức cơ bản về bảo trợ sau truyền thông.	150	300	\$10.010
		Q2-4	Số cha mẹ trẻ (bảo trợ-không bảo trợ) có kiến thức cơ bản về bảo trợ sau truyền thông.	200	400	
Hoạt động 4.1.1.1	Truyền thông kiến thức bảo trợ cho phụ huynh trẻ tại Bình Lương và Xuân Quý.		Số cha mẹ tham gia			
Công việc 1	Tổ chức truyền thông kiến thức cơ bản về bảo trợ cho cha mẹ trẻ xã Bình Lương.	Q3	Số cha mẹ tham gia	0	180	\$684
Công việc 2	Tổ chức truyền thông kiến thức cơ bản về bảo trợ cho cha mẹ trẻ xã Xuân Quý	Q3	Số cha mẹ tham gia	0	120	\$456
Hoạt động 4.1.1.5	Tổ chức các sự kiện truyền thông về bảo trợ cho học sinh cấp 1 và 2 tại các xã mục tiêu.					
Công việc 1	Tổ chức truyền thông kiến thức cơ bản về bảo trợ cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở Xuân Quý.	Q3	Số Trẻ tham gia	0	250	\$1.000
Công việc 2	Tổ chức truyền thông kiến thức cơ bản về bảo trợ cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở Thượng Ninh.	Q2, 3	Số Trẻ tham gia	300	300	\$1.500
Công việc 3	Tổ chức truyền thông kiến thức cơ bản về bảo trợ cho học sinh tiểu học và trung học	Q2, 3	Số Trẻ tham gia	0	290	\$1.000

	cơ sở Bình Lương					
Công việc 4	Tổ chức tuyên truyền kiến thức cơ bản về bảo trợ cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở Yên Lễ	Q2, 3	Số Trẻ tham gia	300	300	\$1.000
Hoạt động 4.1.1.7	Tổ chức tết thiếu nhi cho trẻ nhân ngày 1/6 tại các xã Bình Lương, Yên Lễ, Thượng Ninh và Xuân Quý.	Q3	Số sự kiện được thực hiện	0	46	\$2.070
Hoạt động 4.1.1.8	Tổ chức sự kiện sinh nhật cho trẻ tại xã Bình Lương, Yên Lễ, Thượng Ninh và Xuân Quý.	Q1,4	Số sự kiện được thực hiện	23	46	\$2.300
Đầu ra 4.1.2	Hoạt động mạng lưới hỗ trợ bảo trợ	Q2-4	Số cộng tác viên bảo trợ có kiến thức về bảo trợ	0	0	\$2.300
		Q2-4	Số cộng tác viên làm việc hiệu quả	10	20	
Hoạt động 4.1.2.1	Tập huấn cho cộng tác viên bảo trợ làm báo cáo tiến bộ, thiệp năm mới.	Q1, 2, 3, 4	Số lần cộng tác viên tham gia	50	100	\$1.300
Hoạt động 4.1.2.2	Họp tổng kết năm cho mạng lưới cộng tác viên bảo trợ, trao quà.	Q 4	Số cuộc họp được thực hiện	0	1	\$1.000
Kết quả 4.2	Đảm bảo trẻ bảo trợ và gia đình trẻ được tham gia vào chương trình		Tỷ lệ trẻ bảo trợ và cha mẹ trẻ có thể nêu tên 2 hoạt động hưởng lợi từ chương trình.			\$14.725
Đầu ra 4.2.1	Đảm bảo các hoạt động trên hệ thống quản lý trẻ Bảo trợ (STEP) được thực hiện	Q2-4	Tỷ lệ trẻ bị sai thông tin được cập nhật lại	100%	100%	\$325
Hoạt động 4.2.1.1	Họp với cộng tác viên bảo trợ chia sẻ hệ thống dữ liệu quản lý trẻ bảo trợ (STEP) và xây dựng kế hoạch tiếp theo.	Q2	Số cuộc họp được thực hiện	1	1	\$325
Đầu ra 4.2.2	Đảm bảo các hoạt động sau thăm trẻ được dự án thực hiện	Q2-4	Số trẻ được hỗ trợ sau thăm trẻ	30	30	\$14.400
Hoạt động 4.2.2.2	Hỗ trợ trẻ dễ bị tổn thương sau những lần thăm trẻ.	Q1-4	Số trẻ bảo trợ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ	50	100	\$14.400
Kết quả 4.3	Đảm bảo hoạt động bảo trợ đạt yêu cầu		Sếp hạng kiểm toán	0.95	0.96	\$18.590
Đầu ra 4.3.1	Tất cả các chỉ số bảo trợ đạt yêu cầu	Q2-4	Số lượng và % trao đổi thư từ	0%	0%	\$11.750

			đúng hạn			
Hoạt động 4.3.1.3	Làm báo cáo tiến bộ năm gửi cho nhà bảo trợ.	Q4	Số Báo cáo tiến độ hoàn thành và gửi nhà bảo trợ	0	2500	\$2.500
Hoạt động 4.3.1.4	Làm thiệp chúc mừng năm mới gửi nhà bảo trợ.	Q1	Số thiệp chúc mừng năm mới hoàn thành và gửi nhà bảo trợ	2500	2500	\$1.250
Hoạt động 4.3.1.5	Chi phí in ấn, gửi thư và dịch tài liệu.	Q1,2,3,4				\$8.000
Đầu ra 4.3.2	Số liệu hệ thống quản lý trẻ Bảo trợ (STEP) đạt yêu cầu	Q2-4	% thông tin trẻ trên hệ thống bị lỗi	100%	100%	\$2.040
Hoạt động 4.3.2.3	Hỗ trợ chi phí đi lại nhận thư, gửi thư giữa Chương trình phát triển vùng và trẻ bảo trợ cho cộng tác viên bảo trợ.	Q1, 2, 3, 4	Số lượt cộng tác viên được hỗ trợ	50	100	2.040
Đầu ra 4.3.3	Thăm trẻ đạt yêu cầu	Q2-4	% trẻ bảo trợ được thăm, cập nhật thông tin 2 lần trong 6 tháng qua	100%	100%	\$4.800
Hoạt động 4.3.3.1	Tập huấn cho 16 cộng tác viên trong trường học về kiến thức thăm trẻ.	Q1, 2, 3, 4	Số công tác viên tham gia	50	100	\$900
Hoạt động 4.3.3.2	Họp phản hồi sau thăm trẻ và hỗ trợ chi phí cho cộng tác viên.					
Công việc 1	Tổ chức họp phản hồi sau các cuộc thăm trẻ.	Q2, Q3	Số cuộc họp được thực hiện	2	4	\$900
Công việc 2	Hỗ trợ cộng tác viên sau thăm trẻ.	Q1- 4	Số lần trẻ được thăm	5000	10000	3.000
	Chi phí hành chính					\$45.956
	Tổng chi phí trực tiếp của dự án (cho các hoạt động và cp hành chính tại Chương Trình Phát Triển Vùng)					\$45.625
	Tổng ngân sách dự án Bảo trợ					\$91.581
Tổng Ngân sách Chương trình (Nguồn ngân sách Bảo trợ và dự án đặc biệt)						\$660.000